

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2023.

V/v tranh chấp Ly hôn giữa
Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn và ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm G 2, xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: xóm G 2, xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Bùi Văn H trình bày: anh và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến sau khi sinh con đầu lòng thì chị Bùi Thị L bỏ nhà đi làm ăn xa và không có liên lạc gì với anh H nữa. Anh H đã nhiều lần liên lạc nhưng không được; chị L bỏ mặc và không chăm lo đến gia đình, chồng con. Nay anh Bùi Văn H thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị L. Về con chung: anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 07/9/2021 và hiện đang ở với anh Bùi Văn H. Khi ly hôn, anh Bùi Văn H nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu chị Bùi Thị L đóng góp

cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: anh Bùi Văn H khai là không có.

Về phía chị Bùi Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của chị Bùi Thị L thể chị Bùi Thị L có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ anh Bùi Văn H đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của chị Bùi Thị L. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Kết quả Tòa án xác minh, thể hiện: anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L đã sống ly thân nhau hơn một năm nay; chị L bỏ đi làm ăn xa không cắt đứt liên lạc với anh H. Tình cảm vợ chồng anh H chị L có mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do chị L bỏ nhà đi, sống ly thân với anh Bùi Văn H. Về con chung, nợ chung đúng như anh Bùi Văn H đã khai.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, quyền và nghĩa vụ nuôi con chung sau ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L có mâu thuẫn trầm trọng; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về con chung hiện cháu Bùi Anh T còn nhỏ và anh H có đầy đủ điều kiện nuôi con nên cần giao con chung cho anh Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị L không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị Bùi Thị L đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị Bùi Thị L. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa anh H và chị L có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng anh H chị L trong cuộc sống đã ly thân nhau; chị L bỏ đi và không có liên lạc, quan tâm gì đến chồng con. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã phải sống ly thân nhau thời gian dài và trong thời gian ly thân, chị L không quan tâm đến gia đình nữa mà bỏ mặc gia đình dẫn đến anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không muốn kéo dài tình trạng hôn nhân với chị L nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Xác nhận anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L có con chung là Bùi Anh T. Khi ly hôn, anh Bùi Văn H nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía anh H có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định còn phía chị L hiện thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không có chỗ ở ổn định, bỏ con đi khi còn đang rất nhỏ. Do vậy, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Bùi Anh T cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía anh Bùi Văn H chưa có yêu cầu chị Bùi Thị L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của anh Bùi Văn H và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Bùi Văn H vẫn có quyền yêu cầu chị Bùi Thị L cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị L có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Do anh Bùi Văn H khai là không có và việc chị Bùi Thị L vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của chị L nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] *Về nợ chung của vợ chồng*: Xác định không có.

[6] *Án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H về việc xin ly hôn; cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Bùi Thị L.

2. Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị L có 01 con chung là Bùi Anh T. Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Anh T cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị L chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Bùi Văn H chưa có yêu cầu. Chị Bùi Thị L có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Bùi Văn H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

5. Án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004484 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; anh Bùi Văn H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn